Câu 1.

Câu thơ nào dưới đây có sử dụng biện pháp so sánh?

A.

Mặt trời chìm cuối đồng xa

Sương lên mờ mịt như là khói bay.

(Trần Đăng Khoa)

B.

Lưng trời nở óng hoa cau

Cánh li ti rải giọt sao xuống vườn.

(Phạm Đình Ân)

C.

Trong veo hạt nắng trên cành

Lá biêng biếc những âm thanh gọi mời.

(Nguyễn Lãm Thắng)

D.

Ve kêu chín rụng trưa hè

Hàng phượng vĩ cháy lập loè khoảng không.

(Đỗ Toàn Diện)

Câu 2.

Từ nào dưới đây viết đúng chính tả?

A.

ne nói

B.

nóng nực

C.

năn nóc

D.

nành lặn

Câu 3.

Đoạn thơ dưới đây miêu tả cảnh vật vào thời gian nào?

Hoa sen đã nở

Rực rỡ đầy hồ

Thoang thoảng gió đưa

Mùi hương thơm ngát.

(Nhược Thuỷ)

A.

mùa hạ

B.

mùa xuân

C.

mùa đông

D.

mùa thu

Câu 4.

Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

A.

nghe ngóng

B.

ngọn nghành

C.

ngơ ngác

D.

ngượng ngùng

Câu 5.

Những hoạt động nào có trong bức tranh sau?

A group of children in a classroom

Description automatically generated

A.

đọc sách, bơi lội

B.

nhảy múa, vẽ tranh

C.

đuổi bắt, nghe nhạc

D.

bắt tay, nói chuyện

Câu 6.

Sự vật trong đoạn thơ dưới đây được nhân hoá bằng cách nào?

Dòng sông mới điệu làm sao

Nắng lên mặc áo lụa đào thướt tha

Trưa về trời rộng bao la

Áo xanh sông mặc như là mới may.

(Nguyễn Trọng Tạo)

A.

Trò chuyện với vật như với người

B.

Dùng từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để tả vật

C.

Gọi vật bằng những từ ngữ chỉ người

Câu 7.

Đáp án nào dưới đây chỉ gồm các tính từ?

A.

khoan thai, khoan khoái

B.

kinh ngạc, kinh thành

C.

thích hợp, kết hợp

D.

đàng hoàng, trang hoàng

Câu 8.

Từ nào là động từ trong đoạn thơ dưới đây?

Diều như buồm căng gió

Trời xanh màu đại dương

Em là người thuyền trưởng

Kéo buồm vào mênh mông.

(Thục Linh)

A.

xanh

B.

kéo

C.

buồm

Câu 9.

Câu nào dưới đây là tục ngữ?

A.

Cái răng, cái miệng là góc con người.

B.

Cái răng, cái mũi là góc con người.

C.

Cái răng, cái dáng là góc con người.

D.

Cái răng, cái tóc là góc con người.

Câu 10.

Đáp án nào dưới đây thích hợp điền vào chỗ trống để tạo thành câu có biện pháp so sánh?

A close up of a branch with leaves

Description automatically generated

Mùa xuân, những chiếc lá mới nảy trông như [...]

A.

những ngọn lửa xanh

B.

những chiếc quạt lớn

C.

vầng trăng màu bạc

D.

vầng mặt trời nhỏ xinh

Câu 11.

Câu tục ngữ nào dưới đây đề cao giá trị của con người?

A.

Người ta là hoa đất.

B.

Có thực mới vực được đạo.

C.

Sông có khúc, người có lúc.

D.

Ngựa chạy có bầy, chim bay có bạn.

Câu 12.

Sắp xếp các tiếng sau để tạo thành một câu văn hoàn chỉnh.

nhung / hãnh / Đoá / vươn / nắng / sớm. / hồng / kiêu / mình / đón

A.

Đoá hồng nhung kiêu hãnh vươn mình đón nắng sớm.

B.

Đoá hồng nhung kiêu hãnh vươn mình trong nắng sớm.

C.

Đoá hồng nhung kiêu hãnh vươn mình đón nắng buổi sớm.

D.

Đoá hồng nhung kiêu hãnh vươn mình tắm nắng sớm.

Câu 13.

Bức tranh nào dưới đây có thể dùng để minh hoạ cho khổ thơ sau?

Đây con sông xuôi dòng nước chảy

Bốn mùa soi từng mảnh mây trời

Từng ngọn dừa gió đưa phe phẩy

Bóng lồng trên sóng nước chơi vơi.

(Hoài Vũ)

A.

A river with trees and bushes

Description automatically generated

B.

A river running through a valley

Description automatically generated

C.

A group of people walking on a path with water and kites

Description automatically generated

D.

A water body with palm trees and a sunny day

Description automatically generated

Câu 14.

Từ nào dưới đây không cùng nhóm với các từ còn lại?

A.

trẻ em

B.

trẻ trung

C.

thiếu nhi

D.

nhi đồng

Câu 15.

Câu văn nào dưới đây sử dụng biện pháp nhân hoá để miêu tả bức tranh sau?

A group of animals grazing in a field

Description automatically generated

A.

Đàn trâu chạy nhanh xuống đồng cỏ.

B.

Đàn trâu chạy ra đồng gặm cỏ.

C.

Đàn trâu nằm dưới bóng râm nhai cỏ.

D.

Đàn trâu chăm chỉ gặm cỏ trên cánh đồng.

Câu 16.

Giải câu đố sau:

Đầu nhỏ mà có bốn chân

Lưng đầy tên nhọn, khi cần bắn ngay.

Đố là con gì?

A.

con hà mã

B.

con nhím

C.

con cá sấu

D.

con tê giác

Câu 17.

Điền "s" hoặc "x" vào chỗ trống sau:

[[x]] um vầy

[[s]] oi sáng

Câu 18.

Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống sau:

Mẹ nấu món gì thế ạ [[?]]

Mẹ nấu món này ngon tuyệt [[!]]

Mẹ em bị ốm nhưng vẫn không nghỉ làm [[.]]

Câu 19.

Chọn từ thích hợp trong ngoặc để điền vào chỗ trống sau:

(đã, sẽ, đang)

Sáng sớm, khi em vừa thức dậy thì thấy mẹ [[đã]] làm xong đồ ăn sáng cho cả nhà.

Trời [[đang]] nắng to bỗng kéo mây đen.

Ông nói em [[sẽ]] trở thành một cầu thủ giỏi trong tương lai.

Câu 20.

Điền các từ thích hợp trong ngoặc vào chỗ trống sau:

(mai, phượng, thu, hè)

Sân trường [[phượng]] đã đơm hoa

Tiếng ve xanh mướt bài ca gọi [[hè]] .

(Theo Nguyễn Trọng Hoàn)

Câu 21.

Điền dấu câu thích hợp vào đoạn hội thoại sau:

Thấy bố đi làm về mệt [[,]] Nam vội chạy ra:

- Bố có mệt không ạ [[?]]

Bố cười hiền:

[[–]] Cảm ơn con trai, bố hết mệt rồi.

- Để con lấy cốc nước mát cho bố nhé!

- Con của bố ngoan quá [[!]]

Câu 22.

Điền các tính từ thích hợp trong ngoặc đơn vào chỗ trống để hoàn thiện đoạn văn miêu tả quả cà chua.

A group of tomatoes on a vine

Description automatically generated

(nghịch ngợm, xum xuê, xanh xao, long lanh)

Cà chua ra quả, [[xum xuê]] , chi chít, quả lớn quả bé vui mắt như đàn gà mẹ đông con.

(Theo Ngô Văn Phú)

Câu 23.

Điền "ch" hoặc "tr" vào chỗ trống trong khổ thơ sau:

Bạn bè ríu rít tìm nhau

Qua con đường đất rực màu rơm phơi.

Bóng [[tr]] e mát rợp vai người

Vầng [[tr]] ăng như lá thuyền [[ch]] ôi êm đềm.

(Theo Chử Văn Long)

Câu 24.

Điền cặp từ trái nghĩa để hoàn thành thành ngữ sau:

Kính [[trên]] nhường [[dưới]]

Câu 25.

Đoạn văn miêu tả hoa gạo đang bị đảo lộn trật tự các ý. Em hãy sắp xếp lại bằng cách đánh số thứ tự đúng vào ô trống trước các câu văn miêu tả.

[2] Cây gạo như treo rung rinh hàng ngàn nồi cơm gạo mới.

[1] Ngày tháng đi thật chậm mà cũng thật nhanh.

[3] Sợi bông trong quả đầy dần, căng lên; những mảnh vỏ tách ra cho các múi bông nở đều, chín như nồi cơm chín đội vung mà cười, trắng loá.

[4] Những bông hoa đỏ ngày nào đã trở thành những quả gạo múp míp, hai đầu thon vút như con thoi.

Câu 26.

Nối hai vế với nhau để được cặp từ có nghĩa giống nhau.

giúp đỡ [(trợ giúp)]

nhộn nhịp [(tấp nập)]

nỗ lực [(cố gắng)]

kiên trì [(nhẫn nại)]

Cột bên phải

tấp nập

nhẫn nại

trợ giúp

cố gắng

Câu 27.

Hãy ghép 2 vế với nhau để tạo thành cặp từ có nghĩa trái ngược.

ngay ngắn [(xiêu vẹo)]

nhỏ bé [(to lớn)]

thoải mái [(khó chịu)]

ẩm ướt [(khô ráo)]

thận trọng [(liều lĩnh)]

Cột bên phải:

khô ráo

xiêu vẹo

liều lĩnh

khó chịu

to lớn

Câu 28.

Hãy ghép 2 vế với nhau để tạo thành từ.

củ [(sắn)]

sinh [(sôi)]

sa [(sút)]

xinh [(xắn)]

xa [(xôi)]

Cột bên phải:

sôi

xắn

sút

sắn

xôi

Câu 29.

Hãy ghép các từ ở cột bên trái với nhóm thích hợp ở cột bên phải.

học bạ, sổ sách, thư viện [(Danh từ)]

đầy đủ, yên tĩnh, cẩn thận [(Tính từ)]

tra cứu, tìm hiểu, phát biểu [(Động từ)]

Cột bên phải:

Danh từ

Tính từ

Động từ

Câu 30.

Hãy ghép 2 vế với nhau để tạo thành câu hoàn chỉnh.

Đàn ong [(chăm chỉ tìm hoa lấy mật.)]

Chim tu hú [(kêu báo hiệu mùa hè.)]

Con nhím [(xù những chiếc gai nhọn trên lưng.)]

Thiên nga [(thong thả bơi trong hồ.)]

Chim công [(xoè đuôi rực rỡ.)]

Cột bên phải:

chăm chỉ tìm hoa lấy mật.

xù những chiếc gai nhọn trên lưng.

thong thả bơi trong hồ.

xoè đuôi rực rỡ.

kêu báo hiệu mùa hè.